Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (UPCOM: SJG)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	18,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	23.7%	13.7%

ROE (2024): 8.1% | +/- YoY ▲ 3.3%

DT thuần (Q4/24): 1,332 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 163 ▼ 10.9% | YoY ▼ 241 ▼ 15.3%

DT thuần (2024): 5,396 tỷ VNĐ | YoY ▼ 188 ▼ 3.4%

LN gộp (Q4/24): 305 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 218 ▼ 41.6% | YoY ▲ 128 ▲ 72.5%

LN gộp (2024): 1,296 tỷ VNĐ | YoY ▲ 121 ▲ 10.3%

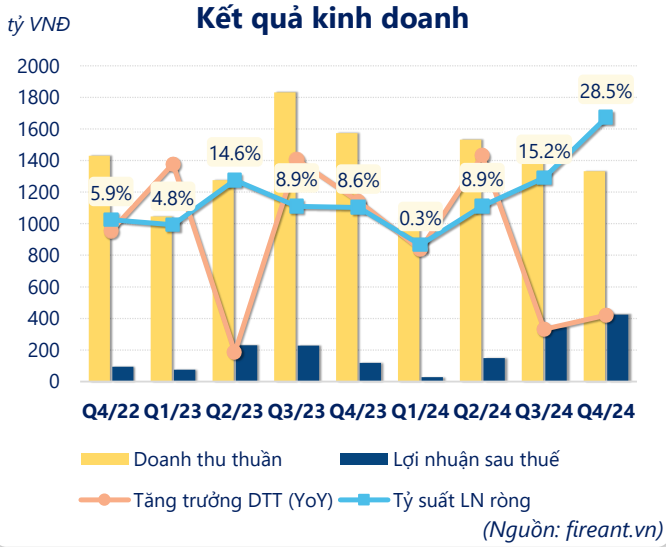
LN thuần (Q4/24): 487 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 106 ▲ 27.7% | YoY ▲ 358 ▲ 277%

LN thuần (2024): 1,092 tỷ VNĐ | YoY ▲ 380 ▲ 53.4%

LN sau thuế (Q4/24): 424 tỷ VNĐ | QoQ ▲ 81.0 ▲ 23.6% | YoY ▲ 306 ▲ 259%

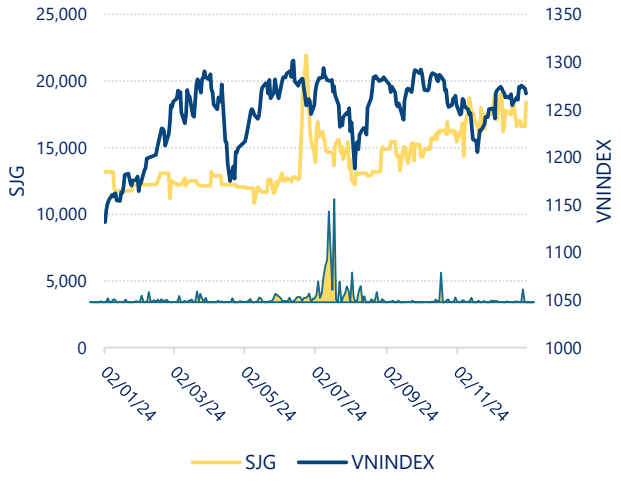
LN sau thuế (2024): 944 tỷ VNĐ | YoY ▲ 429 ▲ 83.2%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

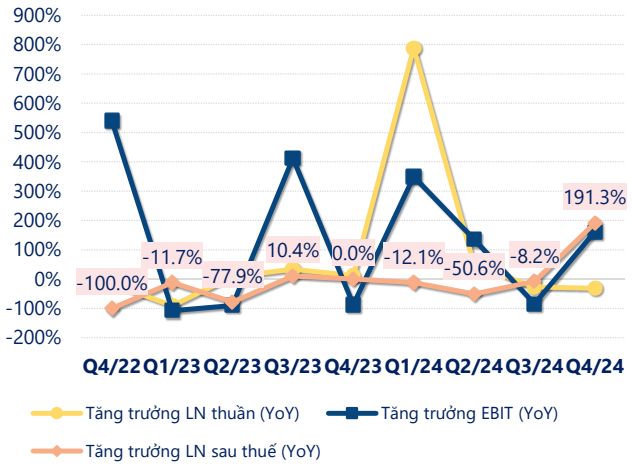
Lịch sử giá



Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (UPCOM: SJG)

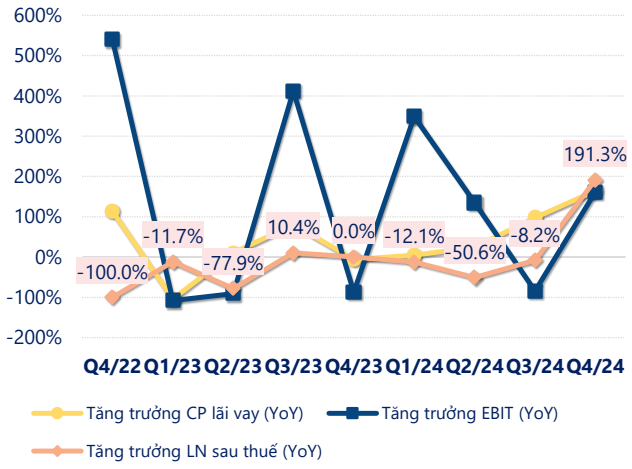
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



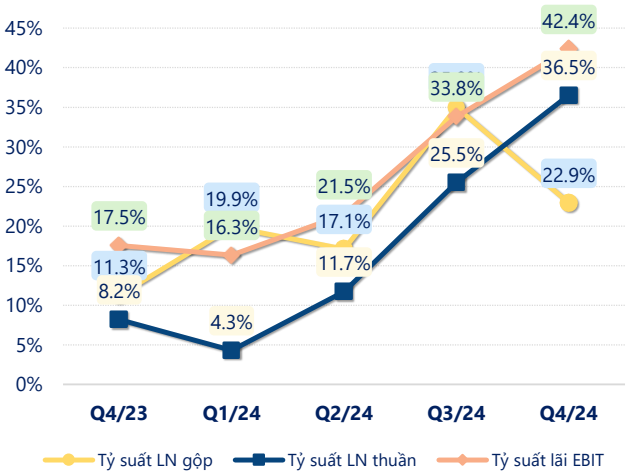
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



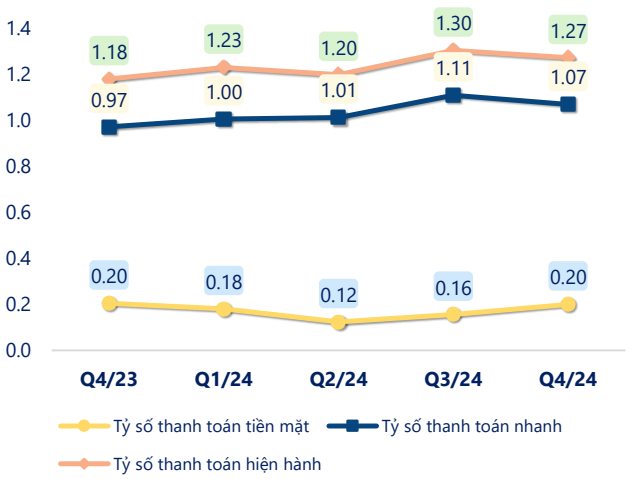
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



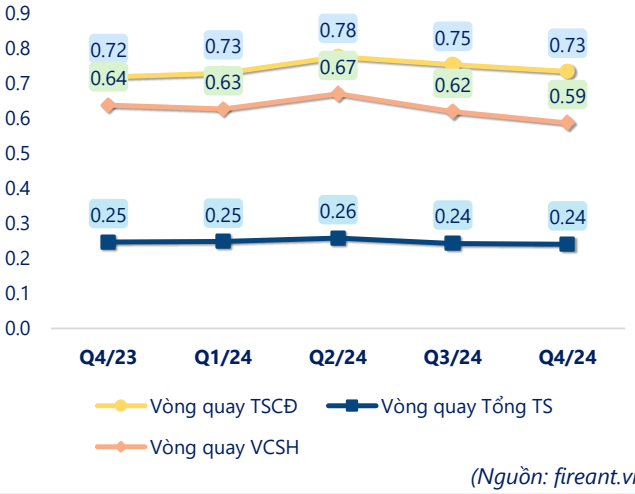
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



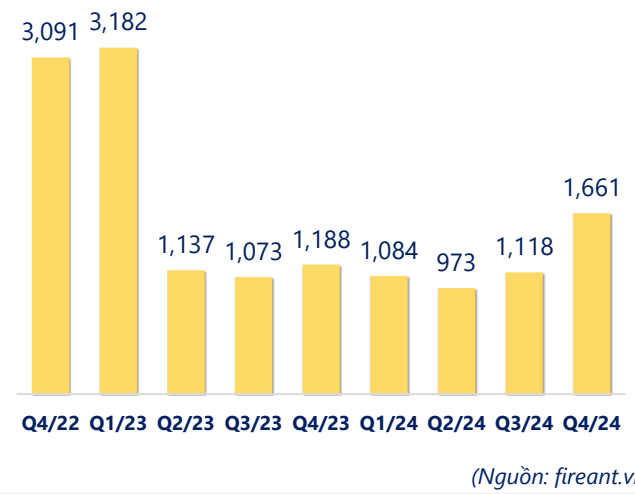
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

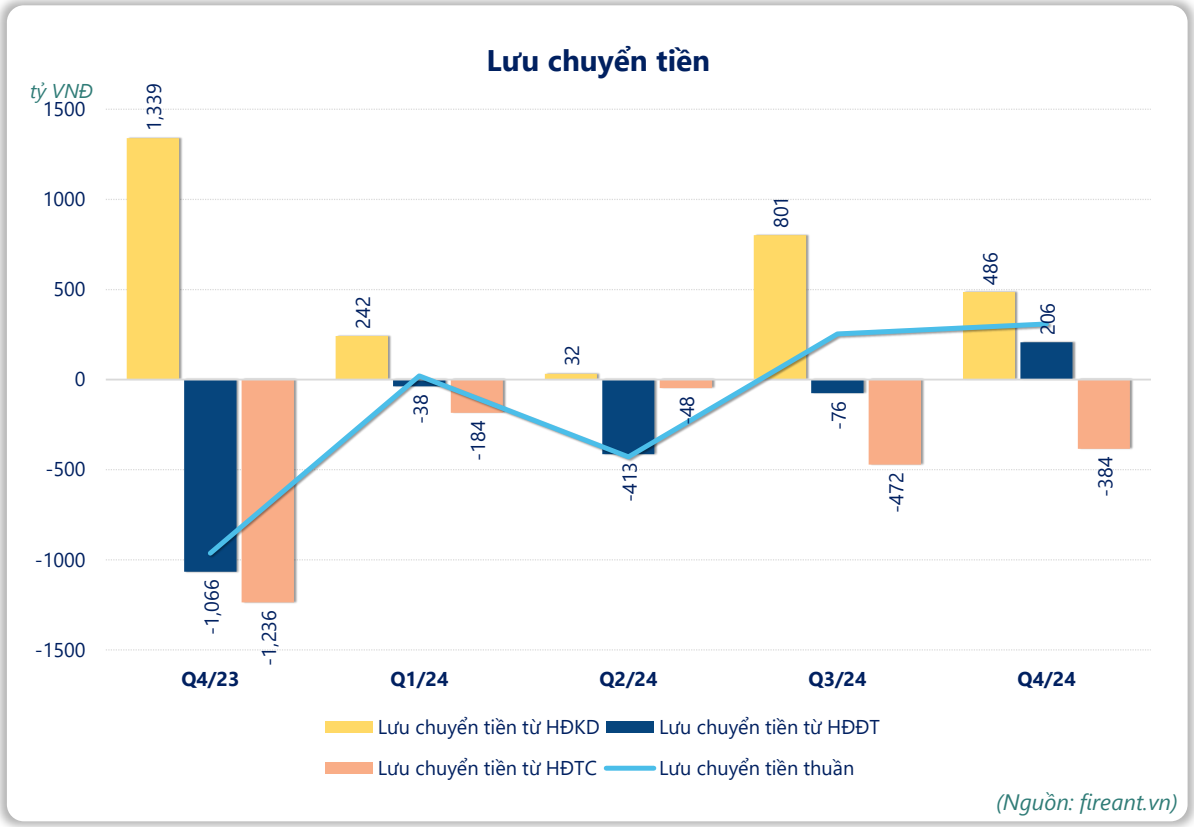


(Nguồn: fireant.vn)

Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (UPCOM: SJG)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,332**	**1,573**	**-15.3%**	**5,396**	**5,584**	**-3.4%**
Giá vốn hàng bán	1,027	1,396	-26.4%	4,099	4,408	-7.0%
Lợi nhuận gộp	305	177	72.5%	1,296	1,175	10.3%
Doanh thu HĐTC	164	133	23.7%	498	572	-13.0%
Chi phí TC	120	159	-24.2%	691	894	-22.7%
Chi phí lãi vay	88.1	140	-37.1%	488	742	-34.2%
LN trong công ty LKLD	**299**	**113**	**164%**	**460**	**263**	**74.8%**
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	19.7%	0.11	0.10	1.7%
Chi phí QLDN	**161**	**135**	**19.3%**	**471**	**405**	**16.5%**
LN thuần từ HĐKD	487	129	277%	1,092	712	53.4%
Lợi nhuận khác	**-10.6**	**6.91**	**-254%**	**-12.2**	**-17.2**	**29.1%**
LN trước thuế	476	136	250%	1,079	694	55.4%
Lợi nhuận sau thuế	**424**	**118**	**259%**	**944**	**515**	**83.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**379**	**135**	**181%**	**747**	**432**	**73.0%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)